TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST
Ngày 23/11/2018
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Giáp Văn Quynh và Ông Ngô Văn Bê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tham gia phiên toà.

Trong ngày 23/11/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2018/TLST-HNGĐ ngày 08/11/2018 về việc " Tranh chấp hôn nhân gia đình".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐXX-ST ngày 15/11/2018, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H , sinh năm 1986.

Hộ khẩu thường trú: Xã LS, huyện LS, tỉnh Hòa Bình.

Địa chỉ: Dongdong-ri, Dongdong-eup, Uiyeong-gun, Gyueongnam, Korea.

(Chị Nguyễn Thị H xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án)

*Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng của Tòa án: Anh Nguyễn Văn Đ , sinh năm: 1984, địa chỉ: Thôn HT , xã NV , huyện TY , tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** Anh Thân Nhân H1 – sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn HT , xã NV , huyện TY , tỉnh Bắc Giang.

(Anh Thân Nhân H1 xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 16/10/2018 nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Thân Nhân H1 kết hôn ngày 26/3/2014 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc. Trước khi kết hôn chị và anh Thân Nhân H1

được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Trước khi kết hôn với nhau giữa anh chị đã có con chung là Thân Nguyễn T, sinh ngày 07/11/2012 tại Hàn Quốc và chung sống với nhau được một thời gian.

Ngày 21/6/2015 chồng chị là anh Thân Nhân H1 đã về Việt Nam cùng con chung còn chị vẫn ở lại Hàn Quốc đến nay vẫn chưa về. Trong thời gian sinh sống tại Hàn Quốc giữa chị và anh Thân Nhân H1 thường xảy ra mâu thuẫn. có nhiều quan điểm bất đồng.

Đồng thời giữa hai vợ chồng sống xa nhau lâu ngày không hiểu và thông cảm cho nhau, không có tiếng nói chung.

Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn anh Thân Nhân H1 .

Về con chung**:** Chị đồng ý giao con chung là cháu Thân Nguyễn T, sinh ngày 07/11/2012 cho chồng là anh Thân Nhân H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/1 tháng.

Về tài sản, công nợ chung: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do chị đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc, nên không thể về Việt Nam tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Thân Nhân H1 được. Vì vậy, chị đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Thân Nhân H1 . Chị cũng ủy quyền cho anh Nguyễn Văn Đ – Sinh năm 1984, địa chỉ: Thôn HT, NV, TY , Bắc Giang nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo lại cho chị được biết.

Bị đơn anh Thân Nhân H1 trình bày: Về quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân như chị Nguyễn Thị H trình bày là đúng. Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn ngày 26/3/2014 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc. Trước khi kết hôn anh và chị Nguyễn Thị H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn.

Trước khi kết hôn với nhau giữa anh chị đã có con chung là Thân Nguyễn T, sinh ngày 07/11/2012 tại Hàn Quốc và chung sống với nhau được một thời gian.

Ngày 21/6/2015 anh đã về Việt Nam cùng con chung còn chị Nguyễn Thị H vẫn ở lại Hàn Quốc đến nay vẫn chưa về. Trong thời gian sinh sống tại Hàn Quốc giữa anh và chị Nguyễn Thị H thường xảy ra mâu thuẫn. có nhiều quan điểm bất đồng.

Đồng thời giữa hai vợ chồng sống xa nhau lâu ngày không hiểu và thông cảm cho nhau, không có tiếng nói chung.

Do vợ chồng sống xa nhau lâu ngày không hiểu và thông cảm cho nhau, không có tiếng nói chung. Sau này thì anh và chị Nguyễn Thị H ít khi liên lạc với nhau, không còn quan tâm đến nhau nữa.

Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Nguyễn Thị H xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung**:** Vợ chồng có con chung là cháu Thân Nguyễn T, sinh ngày 07/11/2012. Vợ chồng tự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con chung. Giao cho anh là người nuôi dưỡng.

Về tài sản, công nợ chung: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên anh không thể về tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Nguyễn Thị H và anh được. Vì vậy, anh đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Nguyễn Thị H và anh.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H và anh Thân Nhân H1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử đã công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị H , bản tự khai của anh H , tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về việc đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án đã ban hành văn bản tố tụng và gửi cho các đương sự về thời gian xét xử vụ án. Chị Nguyễn Thị H và anh Thân Nhân H1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H , anh Thân Nhân H1 .

[2].Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn hiện đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc có đơn xin ly hôn anh Thân Nhân H1 là công dân có hộ khẩu thường trú tại thôn HT, xã NV, huyện TY, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án "tranh chấp hôn nhân và gia đình" có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Thân Nhân H1 kết hôn trên cơ sở có được tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 26/3/2014 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc nên là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến ngày 21/6/2015 chồng chị là anh Thân Nhân H1 đã về Việt Nam cùng con chung còn chị vẫn ở lại Hàn Quốc đến nay vẫn chưa về. Trong thời gian sinh sống tại Hàn Quốc giữa chị và anh Thân Nhân H1 thường xảy ra mâu thuẫn. có nhiều quan điểm bất đồng. Đồng thời giữa hai vợ chồng sống xa nhau lâu ngày không hiểu và thông cảm cho nhau, không có tiếng nói chung. Cả hai đương sự đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Nguyễn Thị H xin ly

hôn, anh Thân Nhân H1 cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Thân Nhân H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Nguyễn Thị H và anh Thân Nhân H1 được ly hôn.

[4]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Thân Nhân H1 có 01 con chung là cháu Thân Nguyễn T, sinh ngày 07/11/2012. Chị Nguyễn Thị H đồng ý giao con chung là cháu Thân Nguyễn T, sinh ngày 07/11/2012 cho anh Thân Nhân H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/1 tháng, anh Thân Nhân H1 cũng xác định vợ chồng thỏa thuận về việc giao con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. HĐXX thấy cần giao cháu Thân Nguyễn T, sinh ngày 07/11/2012 cho chồng là anh Thân Nhân H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Mức cấp cấp dưỡng các đương sự tự thỏa thuận theo mức 2.000.000 đồng / 1 tháng cần được chấp nhận.

[5].Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 5, Điều 27-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5, Điều 27-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thương vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Thân Nhân H1 .

[2]. Về con chung: Giao cháu Thân Nguyễn T, sinh ngày 07/11/2012 cho anh Thân Nhân H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị H cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Thân Nhân H1 theo mức 2.000.000 đồng/1 tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 12/2018 đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468-Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành.

[3].Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Chị H được trừ số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2018/0000094 ngày 08/11/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị H còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo:

- Chị Nguyễn Thị H cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Anh Thân Nhân H1 cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- Sở Tư pháp các tỉnh Bắc Giang, Hòa Bình;
- UBND xã NV, huyện TY, Bắc Giang;
- UBND xã LS, huyện LS, Hòa Bình.
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Ong Thân Thắng